

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 106/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 7 - 2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thái Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Quyền

Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Mỹ Chi – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 348/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Ngọc H, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

Bị đơn: Lê Thị Trúc D – sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện PH, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên

đơn anh Trần Ngọc H trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn cưới và sống chung với nhau năm 2014, có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc, nhưng từ năm 2019 thì hai vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau như trước, từ đó vợ chồng tôi thường xuyên kiểm chuyện gây tranh cãi gia đình, tình cảm vợ chồng ngày một phai nhạt, nên hôn nhân không còn hạnh phúc. Đến nay đã nhiều lần hàn gắn tình nghĩa vợ chồng nhưng tất cả điều không thành. Đến tháng 02/2019 vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay.

Nay xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn là Lê Thị Trúc D; Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị Trúc D đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên toà: bị đơn trình bày vợ chồng đã không sống chung từ năm 2019, từ đó cho đến nay vợ chồng chỉ gặp nhau vài lần nhưng bị đơn không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: anh Trần Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lê Thị Trúc D. Căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Hội

đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn Lê Thị Trúc D có địa chỉ ở ấp T, xã B, huyện PH, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn theo thủ tục chung.

[4] Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Ngọc H và chị Lê Thị Trúc D đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Theo đơn khởi kiện nguyên đơn cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng tất cả đều không thành. Bị đơn cho rằng vẫn còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn đã không sống chung từ năm 2019 nhưng trong thời gian này không thường xuyên, quan tâm lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng mời hoà giải để tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nguyên đơn thể hiện ý chí không còn tình cảm với bị đơn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: giữa các đương sự không có con chung nên không đặt ra xem xét.

[6] Tài sản chung, nghĩa vụ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Ngọc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Ngọc H được ly hôn với chị Lê Thị Trúc D.

2. Về con chung: không có nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn anh Trần Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền

300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008155 ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PH, anh Trần Ngọc H không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H PH;
- Chi cục THADS H PH;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thái Thor

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hồng Loan Nguyễn Thành Quyền

Hà Thái Thơ